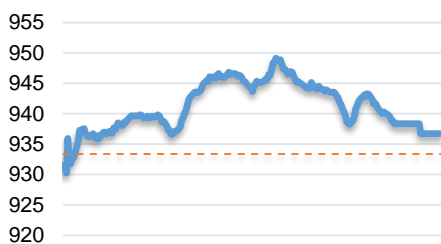


Diễn biến thị trường trong phiên

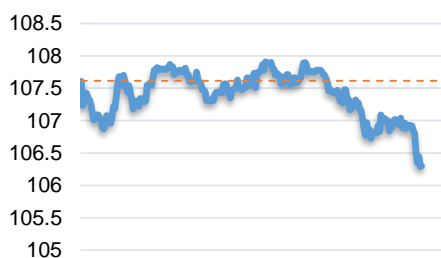
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	936.7	106.3	50.3
% ngày	0.36	-1.22	-0.57
% tuần	2.81	3.08	1.96
% tháng	-4.72	-5.07	-2.98
% năm	22.95	8.52	-10.79
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,831.09	634.00	172.87
Hôm qua	3,669.33	552.41	204.63
TB 1 tháng	2,897.29	502.97	153.18
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	651.45	31.69	7.31
Bán	580.29	12.65	10.38
Giá trị ròng	71.16	19.04	(3.07)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	141	77	75
Mã Giảm	141	78	73
Không Đổi	71	229	586
Chỉ số chính			
P/E	17.3x	11.2x	9.6x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,964	202	822
LS Cổ tức	2.06	2.67	4.16

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index có diễn biến khá tích cực trong phiên sáng nhờ lực hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, tuy nhiên áp lực chốt lời mạnh lên rõ rệt vào phiên chiều đã khiến nhiều mã vốn hóa lớn đảo chiều từ tăng sang giảm điểm. Đóng cửa giao dịch, chỉ số VN-Index đóng cửa chỉ còn tăng 3.35 điểm (+0.36%), trong khi đó HNX-Index giảm mạnh tới -1.22%. Thanh khoản phiên giao dịch hôm nay xấp xỉ phiên trước với giá trị giao dịch trên sàn HSX vào khoảng 4,700 tỷ đồng, trong khi đó giá trị giao dịch của sàn HNX giảm nhẹ và ở mức xấp xỉ 600 tỷ đồng. Khối ngoại hôm nay mua ròng 71 tỷ đồng trên sàn HOSE và 19 tỷ đồng trên sàn HNX; các cổ phiếu HPG, VCB, VGC và DXG là những cổ phiếu được khối ngoại mua vào tích cực nhất. Ở chiều ngược lại, VRE và VIC là những cổ phiếu bị bán ra mạnh nhất.

Thông tin về KQKD quý 2 của hàng loạt các doanh nghiệp niêm yết đã bắt đầu được công bố, theo đó, không có nhiều bất ngờ khi các cổ phiếu ngành ngân hàng tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan với MBB, VIB và VCB có lợi nhuận tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. LPB là một ngoại lệ khi lợi nhuận của ngân hàng này trong quý 2 giảm mạnh so với cùng kỳ do ảnh hưởng từ việc trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán và chi phí tăng mạnh do việc mở rộng chi nhánh. Trước thông tin tiêu cực trên, giá cổ phiếu LPB cũng đã có thời điểm giảm gần về mức giá sàn trong phiên trước khi đóng cửa giảm -9.3%. Bên cạnh LPB, ACB, VPB và CTG là những cổ phiếu ngân hàng khác có diễn biến tiêu cực mặc dù các ngân hàng này đều có KQKD khả quan trong quý 2.

Trái với diễn biến có phần tiêu cực của các cổ phiếu vốn hóa lớn, nhóm các cổ phiếu đầu cơ, penny lại đang có tích cực hơn. Hai cổ phiếu gây sự chú ý đặc biệt của giới đầu tư trong phiên hôm nay đó là bộ đôi HAG và HNG, cả hai cổ phiếu này đều đã có chuỗi tăng rất ấn tượng trong thời gian vừa qua. Bên cạnh HAG và HNG, các mã đầu cơ khác như ROS, FLC, GTN, ITQ, ART cũng có diễn biến rất tích cực.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng 930 – 940 điểm của chỉ số VN-Index trong vài phiên tới. Đồng thời, dòng tiền ngắn hạn tiếp tục tăng dần và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp, nhưng đồ thị giá của các chỉ số chính vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và áp lực chốt lời ngắn hạn sẽ có chiều hướng tăng cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn cũng nên tiết chế mua đuổi ở các nhịp tăng và dòng tiền có thể sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng dần cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục được mở ra.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 903.53 điểm của chỉ số VN-Index và 99.79 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh trong giai đoạn tích lũy để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 60% cổ phiếu/40% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.70	GIẢM	GIẢM		18.57				21.24		
ACB	35.70	TĂNG	GIẢM	35.60	31.68	0.28%			41.80		
ACV	80.50	GIẢM	GIẢM		84.59				96.67		
BFC	27.00	TĂNG	GIẢM	27.00	26.33	0.00%	MUA		28.97		
BHN	85.50	GIẢM	GIẢM		91.26				113.09		
BID	24.80	TĂNG	GIẢM	25.80	23.15	-3.88%			31.14		
BMP	55.30	GIẢM	GIẢM		56.83				63.44		
BSR	15.50	TĂNG	GIẢM	15.80	14.28	-1.90%			20.28		
BVH	73.70	GIẢM	GIẢM		78.66				92.24		
BWE	18.30	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	3.39%			19.20		
CEO	13.00	TĂNG	GIẢM	13.40	11.33	-2.99%			15.97		
CHP	23.10	TĂNG	GIẢM	23.50	22.65	-1.70%		23.50	23.35	-0.63%	
CSM	13.25	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-7.92%	
CTD	147.10	TĂNG	TĂNG	149.50	140.84	-1.61%		161.20	128.22	-8.75%	
CTG	23.60	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-1.67%			28.07		
CTI	30.60	TĂNG	GIẢM	29.60	28.47	3.38%			33.12		
CVT	24.00	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-7.16%			29.58		
DGW	23.30	TĂNG	GIẢM	23.90	21.00	-2.51%			26.51		
DHA	27.50	TĂNG	GIẢM	28.00	25.50	-1.79%			28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.57				45.76		
DHG	100.00	GIẢM	TĂNG		105.79			114.49	96.90	-12.66%	
DPG	37.35	GIẢM	GIẢM		39.39				55.77		
DPM	17.80	TĂNG	GIẢM	17.70	16.86	0.56%			18.72		
DPR	39.00	GIẢM	GIẢM		39.34				41.40		
DQC	31.40	GIẢM	GIẢM		33.01				35.41		
DRC	23.70	TĂNG	GIẢM	23.70	22.80	0.00%		24.30	23.95	-1.44%	MUA
DXG	23.80	TĂNG	GIẢM	23.75	21.57	0.21%			29.38		
ELC	8.99	GIẢM	GIẢM		9.68				11.48		
FCN	16.40	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-7.34%	
FIT	4.64	TĂNG	GIẢM	4.36	4.20	6.42%			5.21		
FMC	21.20	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	0.00%			23.95		
FPT	42.00	TĂNG	GIẢM	42.90	39.73	-2.10%			49.37		
GAS	84.60	GIẢM	GIẢM		85.02				103.15		
GIL	41.35	GIẢM	TĂNG		41.44			34.90	40.00	18.48%	
GMD	24.55	TĂNG	GIẢM	25.40	23.70	-3.35%			28.65		
GTN	10.45	TĂNG	GIẢM	9.20	8.84	13.59%			10.50		
HAG	6.62	TĂNG	TĂNG	5.01	5.75	32.14%		6.19	5.68	6.95%	MUA
HAX	17.90	TĂNG	GIẢM	17.60	16.54	1.70%			18.67		



We Create Fortune

HBC	22.10	TĂNG	GIẢM	22.95	21.17	-3.70%		27.24	
HDB	35.20	GIẢM	GIẢM		36.09			42.95	
HNG	15.50	TĂNG	TĂNG	8.36	13.61	85.41%	8.20	9.63	89.02%
HPG	36.95	TĂNG	GIẢM	37.20	34.60	-0.67%		42.50	
HSG	11.00	TĂNG	GIẢM	11.55	10.50	-4.76%		13.38	
HT1	11.75	TĂNG	GIẢM	11.75	11.64	0.00%	MUA	12.91	
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.43			6.72	
HVN	32.20	TĂNG	GIẢM	33.00	30.59	-2.42%		39.08	
ITD	12.00	GIẢM	TĂNG		12.63		12.40	11.14	-3.23%
KBC	12.10	TĂNG	GIẢM	12.10	11.81	0.00%	MUA	13.24	
KDH	30.10	GIẢM	GIẢM		30.29			33.78	
KSB	31.00	GIẢM	GIẢM		33.06			38.47	
LCG	9.02	GIẢM	GIẢM		9.34			10.28	
LDG	13.00	TĂNG	GIẢM	12.05	11.43	7.88%		15.06	
LIX	41.70	GIẢM	GIẢM		42.07			45.17	
LPB	9.70	GIẢM	GIẢM		11.24			13.11	
LSS	7.18	GIẢM	GIẢM		7.66			8.46	
MSN	79.10	TĂNG	GIẢM	79.10	73.89	0.00%		90.22	
MWG	113.90	TĂNG	TĂNG	112.00	104.88	1.70%	121.00	104.78	-5.87%
NKG	14.60	TĂNG	GIẢM	14.80	14.04	-1.35%		17.58	
NLG	29.50	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-1.01%		31.83	
NT2	26.95	GIẢM	GIẢM		27.57			28.69	
NTL	9.85	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-4.83%	10.45	8.94	-5.74%
NTP	43.50	GIẢM	GIẢM		45.82			51.18	
PAC	39.95	TĂNG	GIẢM	42.50	38.47	-6.00%		42.18	
PC1	32.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.00%		34.50	
PDR	25.90	GIẢM	GIẢM		26.83			29.57	
PGC	14.35	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	0.00%		15.68	
PHR	20.05	GIẢM	GIẢM		20.56			23.77	
PLX	57.20	GIẢM	GIẢM		58.15			67.88	
PNJ	96.00	TĂNG	GIẢM	90.30	85.62	6.31%		103.44	
POW	12.60	TĂNG	GIẢM	13.00	11.64	-3.08%		13.91	
PPC	18.70	TĂNG	GIẢM	18.50	17.41	1.08%		19.21	
PTB	63.30	TĂNG	GIẢM	59.40	62.49	6.57%	64.00	63.62	-0.59%
PVD	12.70	GIẢM	GIẢM		13.19			16.65	
PVI	29.00	GIẢM	GIẢM		29.82			33.76	
PVS	16.80	TĂNG	GIẢM	17.00	15.33	-1.18%		20.82	
PXS	4.92	GIẢM	GIẢM		5.09			6.15	
RAL	88.00	GIẢM	GIẢM		95.30			110.00	
REE	34.00	TĂNG	GIẢM	32.80	31.52	3.66%		34.97	
SAB	210.50	GIẢM	TĂNG		220.42		252.40	207.41	-16.60%
SAM	6.81	GIẢM	GIẢM		6.99			7.64	
SBV	27.20	TĂNG	GIẢM	27.00	26.23	0.74%		29.55	



We Create Fortune

SCR	8.65	TĂNG	GIẢM	8.75	8.18	-1.14%			10.30	
SHI	6.61	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-5.57%		6.99	5.88	-5.44%
SJS	18.55	GIẢM	GIẢM		19.53				21.87	
SKG	20.75	TĂNG	GIẢM	20.05	18.25	3.49%			21.27	
SSI	28.15	GIẢM	GIẢM		29.51				34.19	
STB	11.75	TĂNG	GIẢM	11.20	10.21	4.91%			12.71	
SVC	46.00	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74	
TCM	18.90	TĂNG	GIẢM	17.80	16.80	6.18%			20.79	
TDH	11.95	GIẢM	GIẢM		12.71				14.78	
TLH	7.84	GIẢM	GIẢM		8.15				9.04	
TMT	5.68	GIẢM	GIẢM		6.51				8.59	
TNG	11.70	TĂNG	GIẢM	10.80	10.82	8.33%			11.90	
TYA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.34				12.65	
VCB	56.60	TĂNG	GIẢM	57.50	52.78	-1.57%			64.41	
VFG	37.60	GIẢM	TĂNG		40.21			34.39	33.47	9.32%
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.28				22.65	
VHM	107.80	GIẢM	TĂNG		114.00					
VIB	28.20	TĂNG	GIẢM	27.60	25.28	2.17%			30.67	
VIC	104.00	GIẢM	GIẢM		109.85				109.53	
VIP	6.95	TĂNG	GIẢM	6.95	6.91	0.00%	MUA		7.29	
VJC	140.00	GIẢM	GIẢM		141.22				154.12	
VNM	170.00	GIẢM	GIẢM		173.68				184.77	
VPB	27.50	TĂNG	GIẢM	30.05	27.10	-8.49%			33.19	
VRC	18.40	TĂNG	GIẢM	17.75	16.70	3.66%			19.26	
VRE	41.85	TĂNG	GIẢM	43.00	38.75	-2.67%			44.98	
VSC	33.55	GIẢM	TĂNG		34.71			35.30	29.50	-4.96%
VSH	17.30	TĂNG	TĂNG	17.20	16.64	0.58%		17.40	16.36	-0.57%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	936.74	0.36
VN30	931.31	0.52
VN Mid	959.32	(0.10)
VN Small	796.10	(0.26)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	651.45	
Bán	580.29	
GT ròng	71.16	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAG	430	6.9%
QCG	540	6.9%
VJC	9,000	6.9%
DPG	2,400	6.9%
STB	750	6.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VPB	(2,000)	-6.8%
VND	(1,100)	-5.8%
HSG	(650)	-5.6%
IDI	(650)	-5.3%
HBC	(1,100)	-4.7%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	331,929	
VHM	288,862	
VNM	246,712	
VCB	203,634	
GAS	161,920	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	23.40	8.29
FLC	18.08	8.20
STB	14.24	4.18
HNG	8.96	3.74
VPB	8.45	4.43

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.30	(1.22)
HN30	190.22	(0.59)
VNX AllSh	1,329.99	0.21

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	31.69	
Bán	12.65	
GT ròng	19.04	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	3,200	8.9%
VIX	400	6.3%
DGC	1,900	5.8%
HUT	200	3.8%
DP3	3,000	3.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	(600)	-3.5%
ACB	(1,100)	-3.0%
CEO	(400)	-3.0%
SHB	(200)	-2.4%
MBS	(400)	-2.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,716	
VCS	14,208	
SHB	9,625	
VGC	8,250	
PVS	7,505	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	7.10	3.30
SHB	5.79	6.10
ACB	4.97	5.05
VGC	2.27	2.69
HUT	2.12	1.29

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	50.26	(0.57)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.31	
Bán	10.38	
GT ròng	(3.07)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	500	1.8%
SCS	500	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	(1,100)	-10.2%
SDI	(3,000)	-5.5%
MPC	(1,400)	-3.6%
OIL	(500)	-3.4%
HVN	(800)	-2.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	175,259	
MCH	48,264	
BSR	48,058	
HVN	40,188	
GVR	34,800	

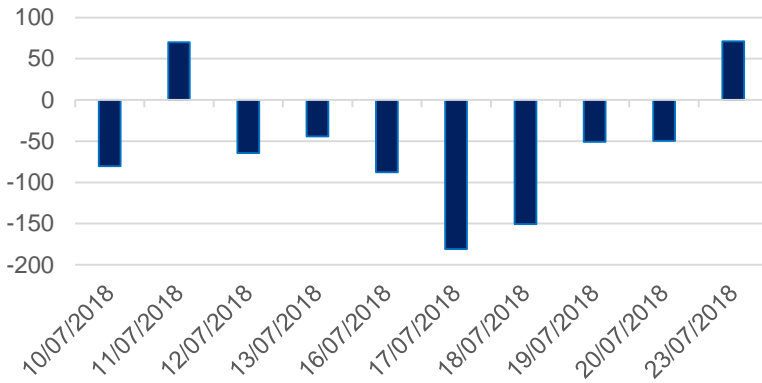
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
LPB	12.13	1.11
IDC	7.02	0.26
NQB	5.16	0.17
ART	1.22	1.21
BMF	1.06	0.04

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

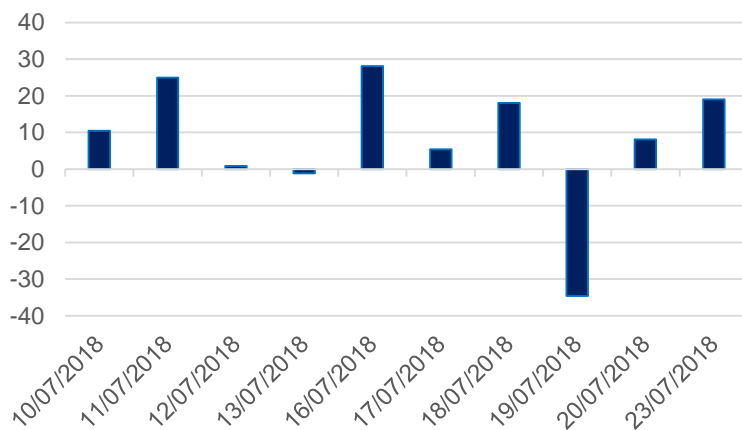
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HPG	32,341	VRE	(47,534)
VCB	28,030	VIC	(21,136)
DXG	25,308	VHM	(5,651)
GAS	16,532	HAG	(5,035)
VNM	15,085	TCM	(3,024)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

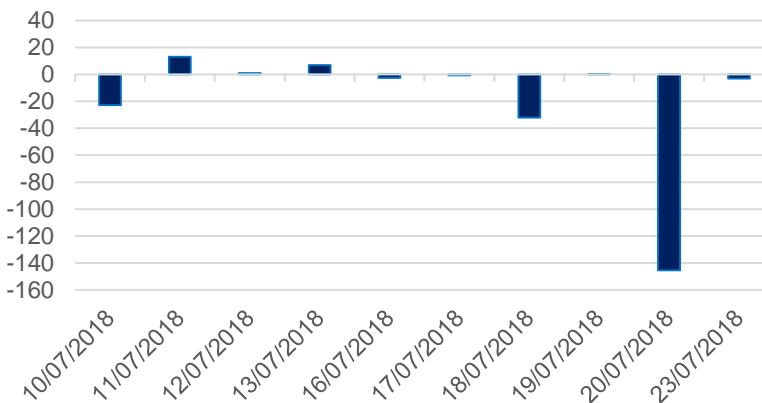
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	20,970	SHB	(3,607)
SHS	4,097	PVS	(2,073)
VCG	477	DGC	(1,412)
PCG	268	DGL	(249)
NSH	199	TV2	(126)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	1,708	BSR	(5,257)
QNS	1,159	OIL	(1,009)
VEA	715	SCS	(864)
ACV	681	VGT	(523)
HVN	294	MCH	(164)

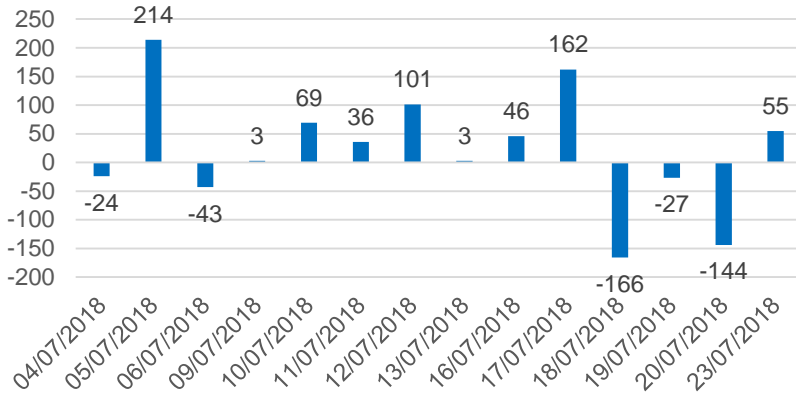
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

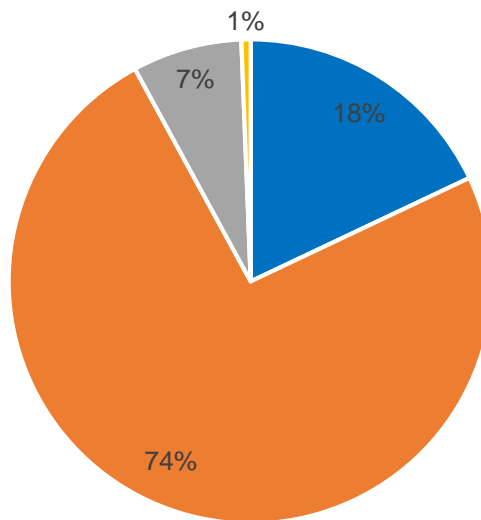


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
VIC	31,856	HNG	56,155
MWG	23,183	VIC	54,050
CVT	21,781	MSN	20,150
MBB	20,682	HPG	12,869
HPG	17,132	VJC	4,275

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



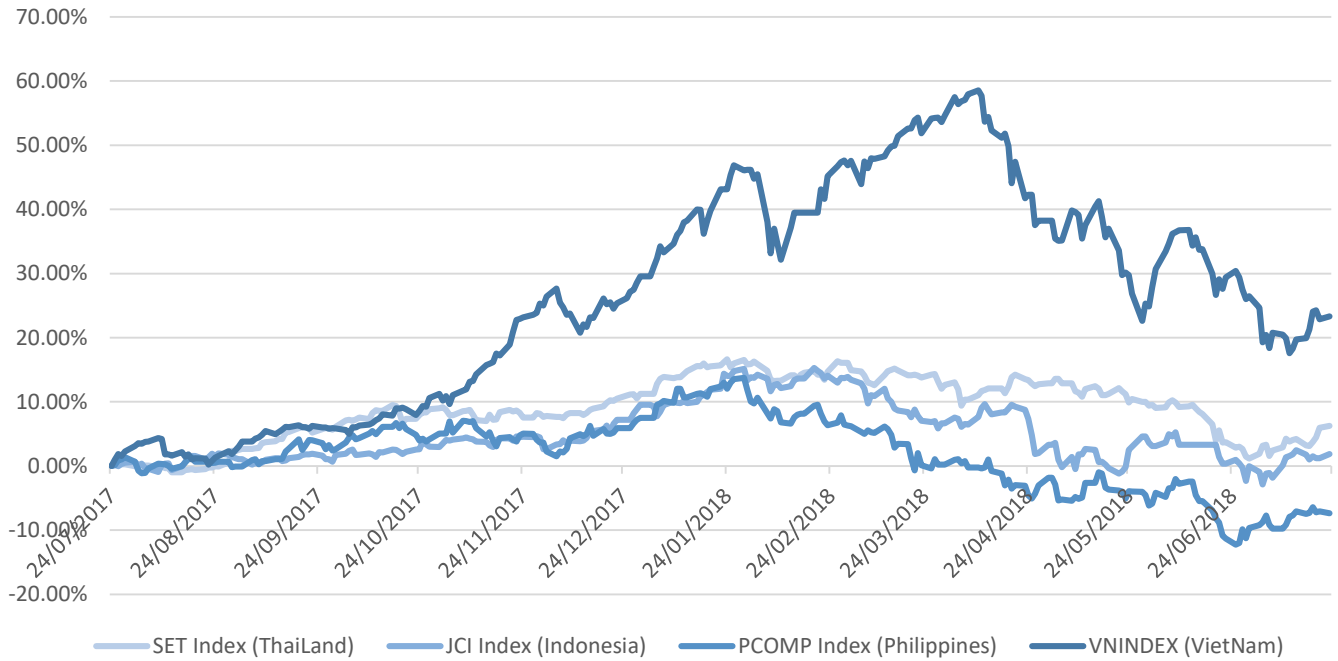
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

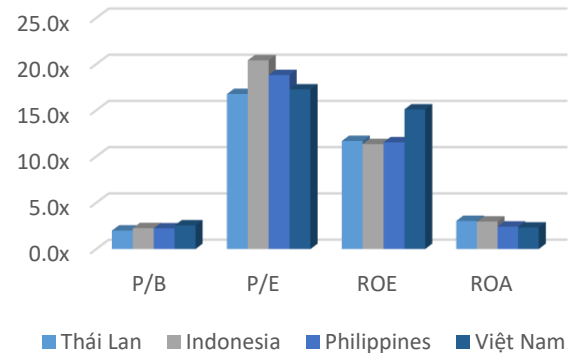
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.6x
P/E		16.8x	20.4x	18.8x	17.3x
ROE	%	11.67	11.34	11.54	15.09
ROA	%	3.03	2.97	2.42	2.33
Vốn hóa	Tỷ USD	503.97	458.50	172.37	127.70
GTGD	Triệu USD	1.85	0.32	0.05	0.17
LS cổ tức	%	3.07	2.31	1.70	2.06

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written